

Số: /BC-SNNMT

Thái Nguyên, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với hồ sơ dự thảo Quyết định quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030

Thực hiện Công văn số 3838/UBND-CNN&XD ngày 14/4/2026 của UBND tỉnh về việc xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chủ trì xây dựng dự thảo Quyết định quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030; đồng thời, xin ý kiến góp ý của các Sở, ban, ngành, địa phương, đăng tải hồ sơ dự thảo trên Cổng Thông tin điện tử lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến của đối tượng chịu sự tác động.

Ngày 04/6/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Công văn số 6252/SNNMT-KHTC về việc đề nghị thẩm định dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 329/BC-STP ngày 09/6/2026; Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định (chi tiết tại bảng tiếp thu, giải trình kèm theo).

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với hồ sơ dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- GD Sở (b/cáo);
- Các PGĐ Sở;
- Trung tâm KN&MT (đăng trang TTĐT);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Dương Văn Hòa

BẢNG TIẾP THU GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP

Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNMT ngày tháng 6 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Nội dung ý kiến thẩm định	Ý kiến tiếp thu, giải trình
1	<p align="center">Phần thứ nhất</p> <p align="center">NỘI DUNG THẨM ĐỊNH</p> <p>I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN; ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH</p> <p>1. Sự cần thiết ban hành văn bản</p> <p>Căn cứ quy định của Luật Chăn nuôi năm 2018, trước sáp nhập UBND tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn đã ban hành các Quyết định: Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 (Quyết định này đã được bãi bỏ tại Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên). Ngày 12/6/2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, trong đó khoản 3 Điều 1 quy định: “Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái nguyên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Thái nguyên”. Điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản QPPL số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 20 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15) quy định các văn bản của các đơn vị hành chính trước khi sáp nhập vẫn tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi từng địa bàn cho đến khi cơ quan có thẩm quyền của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản để quyết định việc tiếp tục áp dụng, bãi bỏ</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường nhất trí với ý kiến thẩm định</p>

	<p>hoặc ban hành quy định mới. Trên cơ sở nội dung được giao tại khoản 5 Điều 53 Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 3 Luật số 146/2025/QH15): “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ mật độ chăn nuôi của vùng, chiến lược phát triển chăn nuôi, công nghệ chăn nuôi, môi trường sinh thái để quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn.” Để đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, đảm bảo phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và tình hình thực tiễn tỉnh Thái Nguyên sau sáp nhập, việc tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 là phù hợp và cần thiết.</p> <p>2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng: Phù hợp.</p>	
2	<p>II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ THẢO VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG</p> <p>Thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII (về phương án sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp), Kết luận số 167-KL/TW ngày 13/6/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về chủ trương thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính, Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp, trong đó một trong những nhiệm vụ, giải pháp được đề ra là: <i>“Khẩn trương nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới hệ thống thể chế, chính sách, pháp luật bảo đảm đơn giản hóa quy trình, thủ tục, tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện”</i>. Với các quan điểm, định hướng như trên cơ quan thẩm định đánh giá việc tham mưu ban hành Quyết định quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường nhất trí với ý kiến thẩm định</p>

	đến năm 2030 là phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng.	
3	<p>III. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH</p> <p>1. Thẩm quyền ban hành</p> <p>Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15. Căn cứ khoản 5 Điều 53 Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 3 Luật số 146/2025/QH15): “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ mật độ chăn nuôi của vùng, chiến lược phát triển chăn nuôi, công nghệ chăn nuôi, môi trường sinh thái đề quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn.” UBND tỉnh ban hành Quyết định trên là phù hợp về thẩm quyền</p>	Sở Nông nghiệp và Môi trường nhất trí với ý kiến thẩm định
4	<p>2. Căn cứ ban hành</p> <p>Đề nghị trình bày lại căn cứ: “Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường” thành “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15”.</p>	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa tên văn bản trong phần căn cứ ban hành của dự thảo Quyết định thành: “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15” theo đúng tên gọi được Quốc hội ban hành.
5	<p>3. Nội dung dự thảo</p> <p>Để hoàn thiện dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét một số nội dung sau:</p> <p>- Tại Điều 2 dự thảo quy định: “Mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 không vượt quá 1,2 đơn vị vật nuôi/01 ha đất nông nghiệp”. Mật độ chăn nuôi này phù hợp với quy định mật độ chăn nuôi vùng áp dụng đối với địa phương thuộc từng vùng quy định tại Phụ lục V ban hành kèm</p>	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, giải trình làm rõ như sau: Hồ sơ dự thảo đã được bổ sung nội dung đánh giá, thuyết minh làm rõ cơ sở xác định mức mật độ chăn nuôi 1,2 đơn vị vật nuôi/01 ha đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Việc đề xuất mức mật độ này được nghiên cứu trên cơ sở quy định tại khoản 5 Điều 53

<p>theo Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 5 Điều 53 Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 3 Luật số 146/2025/QH15): “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ mật độ chăn nuôi của vùng, chiến lược phát triển chăn nuôi, công nghệ chăn nuôi, môi trường sinh thái để quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn”. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung đánh giá, thuyết minh làm rõ cơ sở xác định mức mật độ chăn nuôi (1,2 đơn vị vật nuôi/01 ha đất nông nghiệp) trên địa bàn tỉnh; bổ sung nội dung báo cáo việc thực hiện quy định về mật độ chăn nuôi trên địa giới hành chính tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) từ ngày 17/6/2025 sau khi Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 bị bãi bỏ làm cơ sở xác định mật độ chăn nuôi dự kiến trình. Bên cạnh căn cứ về mật độ chăn nuôi của vùng, cần phân tích, đánh giá các yếu tố về chiến lược phát triển chăn nuôi của tỉnh, công nghệ chăn nuôi, môi trường sinh thái theo quy định tại khoản 5 Điều 53 Luật Chăn nuôi, bảo đảm tính đầy đủ của căn cứ ban hành và tính phù hợp, khả thi của quy định</p>	<p>Luật Chăn nuôi; Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trong đó quy định mật độ chăn nuôi tối đa đối với vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 1,2 đơn vị vật nuôi/01 ha đất nông nghiệp.</p> <p>Đồng thời, hồ sơ đã bổ sung nội dung đánh giá tình hình thực hiện quy định về mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) kể từ ngày 17/6/2025 sau khi Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND bị bãi bỏ. Qua rà soát cho thấy hoạt động chăn nuôi trên địa bàn vẫn được thực hiện theo quy định của Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành; công tác quản lý nhà nước về chăn nuôi được thực hiện theo quy định, không phát sinh khó khăn, vướng mắc lớn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, việc chưa có quy định thống nhất về mật độ chăn nuôi trên phạm vi toàn tỉnh sau sáp nhập gây khó khăn cho công tác quản lý, theo dõi, đánh giá và định hướng phát triển ngành chăn nuôi. Qua tính toán trên cơ sở tổng đàn vật nuôi quy đổi và diện tích đất nông</p>
---	---

		<p>ng nghiệp của tỉnh, mật độ chăn nuôi thực tế hiện nay khoảng 0,37 đơn vị vật nuôi/01 ha đất nông nghiệp. Theo định hướng phát triển ngành chăn nuôi đến năm 2030, mật độ chăn nuôi dự kiến đạt khoảng 0,48 đơn vị vật nuôi/01 ha đất nông nghiệp, vẫn thấp hơn đáng kể so với mức mật độ chăn nuôi tối đa 1,2 đơn vị vật nuôi/01 ha đất nông nghiệp theo quy định đối với vùng Trung du và miền núi phía Bắc.</p> <p>Hồ sơ cũng đã bổ sung nội dung phân tích, đánh giá các yếu tố về chiến lược phát triển chăn nuôi của tỉnh đến năm 2030, định hướng phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học, phát triển bền vững; đánh giá điều kiện tự nhiên, quỹ đất nông nghiệp, khả năng tiếp nhận môi trường, năng lực xử lý chất thải chăn nuôi và yêu cầu bảo vệ môi trường sinh thái. Trên cơ sở đó, việc đề xuất áp dụng thống nhất mức mật độ chăn nuôi không vượt quá 1,2 đơn vị vật nuôi/01 ha đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh được xác định là phù hợp với quy định của Trung ương, điều kiện thực tiễn của địa phương, bảo đảm dư địa cho phát triển chăn nuôi đến</p>
--	--	---

		năm 2030 và đáp ứng yêu cầu phát triển chăn nuôi bền vững trong giai đoạn tới.
6	- Điều chỉnh nội dung tại điểm c khoản 2 Điều 3 dự thảo thành "...phù hợp với Quyết định này,...".	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa nội dung tại điểm c khoản 2 Điều 3 của dự thảo từ cụm từ "phù hợp với Quy định này" thành "phù hợp với Quyết định này" theo ý kiến thẩm định.
7	- Tại điểm c, d khoản 3 Điều 3 dự thảo quy định về trách nhiệm của UBND các xã, phường trong việc " <i>tổng hợp, báo cáo định kỳ kết quả thực hiện hoạt động chăn nuôi trên địa bàn...</i> " (nội dung này quy định trùng lặp tại điểm c, d). Việc quy định chế độ báo cáo định kỳ trong văn bản quy phạm pháp luật là phù hợp với yêu cầu tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước. Tuy nhiên, trong trường hợp xác định và quy định nội dung báo cáo này là báo cáo định kỳ (chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác), đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu khoản 2 Điều 11 nêu trên để bổ sung các quy định đảm bảo cho việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ dự kiến ban hành tại dự thảo: "2. Chế độ báo cáo định kỳ được ban hành phải bao gồm tối thiểu các nội dung thành phần nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 7, đồng thời đáp ứng các yêu cầu tương ứng nêu tại Điều 8, Điều 12, Điều 13 Nghị định này, trừ trường hợp có quy định khác tại các văn bản của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, người có thẩm quyền thuộc hệ thống hành chính nhà nước"	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu ý kiến thẩm định. Dự thảo đã được rà soát, chỉnh lý điểm c, điểm d khoản 3 Điều 3 để khắc phục nội dung trùng lặp về trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện hoạt động chăn nuôi trên địa bàn. Theo đó: Điểm c được sửa thành: " <i>Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định của pháp luật</i> ". Điểm d được sửa thành: " <i>Kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực chăn nuôi theo thẩm quyền; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về hoạt động chăn nuôi theo quy định của pháp luật</i> ". Việc chỉnh lý nêu trên nhằm tránh quy định trùng lặp trong dự thảo, đồng thời

		không quy định phát sinh chế độ báo cáo định kỳ mới, bảo đảm phù hợp với quy định của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.
8	- Bổ sung điểm c tại khoản 4 Điều 3 của dự thảo về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi như sau: “c) Thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan đến hoạt động chăn nuôi theo quy định của pháp luật.”.	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 3 với nội dung: “ <i>Thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan đến hoạt động chăn nuôi theo quy định của pháp luật.</i> ”
9	3.2. Hiệu lực của văn bản Đề nghị tham mưu xác định hiệu lực của văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành văn bản QPPL: “Thời điểm có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng ... không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương” và khoản 2 Điều 67 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP: “Văn bản phải xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực thi hành”	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu ý kiến thẩm định.
10	3.3. Nơi nhận văn bản Đề nghị nghiên cứu, rà soát đảm bảo phù hợp với quy định tại Phần II, Mục 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu ý kiến thẩm định
11	IV. SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Sở Nông nghiệp và Môi trường nhất trí

	Dự thảo không có nội dung quy định về thủ tục hành chính và các quy định của dự thảo không làm phát sinh thủ tục hành chính.	với ý kiến thẩm định
12	<p>V. NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH, NGUỒN NHÂN LỰC; VIỆC PHÂN CẤP, THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN ĐƯỢC PHÂN CẤP; VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất với đánh giá của cơ quan soạn thảo tại dự thảo Tờ trình về nguồn kinh phí và nguồn nhân lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản. - Vấn đề phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp: không phát sinh trong dự thảo. - Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: không phát sinh trực tiếp từ các quy định của dự thảo 	Sở Nông nghiệp và Môi trường nhất trí với ý kiến thẩm định
13	<p>VI. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, trình bày văn bản theo quy định của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lược bỏ phần gạch dưới tên gọi Quyết định. - Bổ sung đầy đủ “Căn cứ Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chăn nuôi” 	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa
14	<p>Phần thứ hai</p> <p>KẾT LUẬN THẨM ĐỊNH</p>	Sở Nông nghiệp và Môi trường nhất trí với ý kiến thẩm định

	<p>1. Về thực hiện các trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>- Về đề nghị xây dựng văn bản: được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Văn bản số 3838/UBND-CNN&XD ngày 14/4/2026.</p> <p>Việc đăng tải văn bản trên Cổng thông tin điện tử; thực hiện lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến của đối tượng chịu sự tác động của văn bản: đã thực hiện tại Văn bản số 5560/SNNMT-KHTC ngày 22/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.</p>	
15	<p>2. Về điều kiện trình dự thảo</p> <p>- Đề nghị cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo:</p> <p>+ Nghiên cứu, phân tích, tiếp thu ý kiến thẩm định để tham mưu cho phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của địa phương.</p> <p>+ Xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.</p> <p>+ Gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 51 Nghị định 78/2025/NĐ-CP.</p> <p>- Đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp rà soát, nghiên cứu các nội dung thẩm định, giải trình khi cơ quan soạn thảo trình, đảm bảo tính thống nhất, phù hợp của nội dung văn bản.</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh theo quy định; gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp.</p>
16	<p>- Dự thảo đã thực hiện đảm bảo các quy trình; các nội dung thẩm định phải được tiếp thu, giải trình theo quy định. Sau khi có báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, dự thảo đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường nhất trí với ý kiến thẩm định</p>

	định theo thẩm quyền.	
--	-----------------------	--